TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2020/DS-PT
Ngày: 29/5/2020
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện.
Các Thẩm phán: Ông Vũ Viết Văn;
Bà Trần Thị Liên Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2020/TLPT-DS ngày 22/4/2020 về : "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 119/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân quận L.B, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2020/QĐ-PT ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội - giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Q. Trụ sở: Khu tái định cư 2, tiểu khu L.S, thị trấn L.S, huyện L.S, tỉnh H.B. Đại diện theo pháp luật: Bà K.V.T.U- Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Bà Đ.T.L, sinh năm 1977. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Chị N.T.H.Y, sinh năm 1979; Có đơn xin xử vắng mặt.

2.2. Anh N.H.Q, sinh năm 1967. Có đơn xin xử vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ 1, phường V.H, quận L.B, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà N.T.T, sinh năm 1947; Có đơn xin xử vắng mặt.

3.2. Ông N.Q.T, sinh năm 1927; Có đơn xin xử vắng mặt.

3.3. Cháu N.T.A, sinh năm 2009;

3.4. Cháu N.Đ.T.A', sinh năm 2013.

Cháu A và cháu A' do anh Q đại diện.

Cùng trú tại: Tổ 1, phường V.H, quận L.B, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH Q do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Chị N.T.H.Y và anh N.H.Q có vay vốn của Ngân hàng P.Đ (gọi tắt là OB) theo Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số 0017/2013/HĐTD-CN ngày 22/02/2013 và khế ước nhận nợ 0017.02/2013-OB/KU7NN-CN ngày 25/2/2013, số tiền vay là 4.800.000.000đ, thời hạn vay từ 25/2/2013- 22/02/2028, mục đích vay: bổ sung vốn mua nhà tại số 10 phường Ngọc Lâm, quận L.B, Hà Nội. Lãi suất cho vay 17%/năm cho thời kỳ đầu tiên là 06 tháng và từ tháng thứ 7 lãi suất áp dụng cho kỳ đổi lãi tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm tính lãi + biên độ tối thiểu 4,5%/năm. Lãi suất quá hạn tính 150% lãi suất trong hạn. Phương thức vay: Trả góp. Trả nợ gốc: Gốc trả , phân kỳ: Kỳ 1-60 mỗi tháng trả 17 triệu đồng; kỳ 61-120 trả 25 triệu đồng / tháng vào ngày 26 hàng tháng, phân kỳ: Kỳ 1 đến kỳ 60 trả 17 triệu/ tháng; kỳ 121-149 trả 35 triệu đồng /tháng; kỳ 150-179 trả 40 triệu đồng/tháng; kỳ 180 trả 65 triệu đồng/tháng. Trả định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Trả nợ lãi: Trả định kỳ vào ngày 26 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Tài sản đảm bảo là bất động sản tọa lạc tại Phường V.H, Quận L.B, TP. Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 304641, số vào sổ cấp GCN số 325/STTB do UBND Quận L.B cấp ngày 20/12/2010) theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 0388, quyển số 01.2013 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/02/2013 và Bất động sản tọa lạc tại Phường K.L, Quận Đ.Đ, TP. Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 767525, số vào sổ cấp GCN số CH00039/1038.2010/QĐ-UBND do UBND Quận Đ.Đ cấp) theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 0389, quyển số 01.2013 quyển số 01.2013 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/02/2013. Hiện tài sản ở K.L đã được giải chấp.

Quá trình vay vốn, chị Y và anh Q đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ với OB.

Ngày 28/04/2014, OB đã bán toàn bộ khoản nợ của chị Y và anh Q cho Công ty TNHH MTV Q Việt Nam (VA).

Ngày 18/6/2015, VA có Đơn khởi kiện chị Y và anh Q.

Ngày 25/6/2018, OB lại mua lại toàn bộ khoản nợ của chị Y và anh Q từ VA.

Ngày 28/12/2018, OB lại bán toàn bộ nợ của chị Y, anh Q cho Công ty TNHH Q theo Hợp đồng mua bán nợ số 2812/2018/HĐMB (OB, Công ty TNHH Q).

Tính đến ngày 20/11/2019 chị Y, anh Qcòn nợ theo HĐTD: nợ gốc là 2.532.000.000đ + nợ lãi 2.958.606.881đ (trong đó nợ lãi trong hạn là 2.524.147.331đ + nợ lãi quá hạn 434.459.550đ + phạt chậm trả 2.160.298.634đ).

Tổng = 7.650.905.515đ. Tiền lãi tiền phạt chậm trả sẽ tiếp tục phát sinh theo lãi suất quá hạn từ ngày 21/11/2019 cho đến khi khoản nợ thực tất toán.

Nay Công ty TNHH Q yêu cầu: chị Y và anh Q phải trả khoản tiền nợ theo HĐTD số tiền gốc và lãi là 7.650.905.515đ (trong đó: nợ gốc là 2.532.000.000đ + nợ lãi 2.958.606.881đ (trong đó nợ lãi trong hạn là 2.524.147.331đ + nợ lãi quá hạn 434.459.550đ + phạt chậm trả 2.160.298.634đ).

Trường hợp chị N.T.H.Y, anh N.H.Q không trả hoặc trả không đầy đủ, không đúng hạn thì tài sản đảm bảo là bất động sản tọa lạc tại Phường V.H, Quận L.B, TP. Hà Nội (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 304641, số vào sổ cấp GCN số 325/STTB do UBND Quận L.B cấp ngày 20/12/2010) theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 0388, quyển số 01.2013 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/02/2013 được phát mãi để thu hồi nợ cho Công ty TNHH Q. Công ty TNHH Q có quyền tự xử lý tài sản đảm bảo theo quy định pháp luật hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Trường hợp tài sản đảm bảo là bất động sản tọa lạc tại Phường V.H, Quận L.B, TP. Hà Nội (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 304641, số vào sổ cấp GCN số 325/STTB do UBND Quận L.B cấp ngày 20/12/2010) sau khi xử lý mà vẫn không đủ để trả hết nợ cho Công ty TNHH Q thì chị N.T.H.Y, anh N.H.Q phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thực tất toán toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn chị Yvà anh Q trình bày: Nhất trí với trình bày của Công ty TNHH Q về việc anh chị đã vay tiền theo HĐTD với OB với số tiền vay là 4.800.000.000đ; lãi suất, thời hạn trả như nguyên đơn đã khai.

Về tài sản đảm bảo đúng như nguyên đơn đã trình bày, tài sản ở K.L đã giải chấp xong; nay còn tài sản ở đường Ngô Gia Tự, L.B.

Tính đến ngày 07/9/2017, anh chị còn nợ OB số tiền gốc là 2.532.000.000đ và toàn bộ tiền lãi từ đó đến nay.

Nay Công ty TNHH Q là bên mua lại nợ của OB có yêu cầu anh chị phải trả tiền vay theo HĐTD, anh chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật; anh chị không chấp nhận trả lãi chậm trả.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà N.T.T trình bày: Bà là mẹ của chị Y. Bà có biết vợ chồng chị Ycó nhu cầu vay tiền nên hỏi bà mượn GCNQSD đất nhà để thế chấp. Bà nhất trí và chị Ycó nói bà làm thủ tục tặng cho chị Ytài sản để sang tên GCNQSD đất cho chị Ythuận tiện vay tiền Ngân hàng. Sau khi vợ chồng bà ký sang tên nhà đất cho chị Y, chị Yđã thế chấp ngân hàng để vay tiền. Bà không biết chị Yđã sử dụng tiền vay như thế nào.

Nay bà yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp (HĐTC) tài sản giữa vợ chồng bà

với chị Y; hủy việc sang tên GCNQSD đất từ vợ chồng bà sang cho chị Y.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N.Q.T: không có lời khai và không đến Tòa án làm việc.

Bản án sơ thẩm số 119/2019/DSST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân quận L.B, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Q.

- Xác nhận: Tính đến ngày 26/11/2019 bà N.T.H.Y và ông N.H.Q còn nợ Công ty TNHH Q tổng số tiền là: 5.583.517.521 đồng. Trong đó tiền gốc là: 2.532.000.000 đồng; Lãi suất trong hạn là : 2.467.083.233 đồng; Lãi suất quá hạn là: 584.434.288 đồng.

- Buộc bà Yvà ông Qphải thanh toán cho Công ty TNHH Q toàn bộ khoản nợ trên.

Không chấp nhận yêu cầu lãi suất phạt chậm trả là: 2.140.982.906 đồng của Công ty TNHH Q.

Trong trường hợp bà Yvà ông Qkhông trả được nợ cho Công ty TNHH Q thì Công ty TNHH Q có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: toàn bộ quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, diện tích 165,6m^2, tại địa chỉ Căn hộ 01 nhà B,TTQĐ Quân khu Thủ đô, phường V.H, quận L.B, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 304641, số vào sổ cấp GCN số 325/STTB do UBND Quận L.B cấp ngày 20/12/2010) mang tên bà N.T.H.Y và theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 0388, quyển số 01.2013 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/02/2013 tại phòng Công chứng số 7 Thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty TNHH Q theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 4/12/2019 Công ty TNHH Q - nguyên đơn; ngày 14/12/2019 chị N.T.H.Y, anh N.H.Q - bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn

kháng cáo.

- Bị đơn có đơn xin xử vắng mặt và giữ nguyên lời khai đã trình bày.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xử vắng mặt và giữ nguyên lời khai đã trình bày.

- Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Đại diện VKS đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND quận L.B, Hà Nội.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I/ Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Q; Chị N.T.H.Y, anh N.H.Q nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định pháp luật nên được chấp nhận xem xét.

II/ Xét nội dung đơn kháng cáo của các đương sự cho thấy:

[1]. Về giao dịch liên quan đến Hợp đồng tín dụng (HĐTD) giữa chị N.T.H.Y, anh N.H.Q với Ngân hàng P.Đ(OB) như sau:

[1.1]. Ngân hàng P.Đ(OB) và chị N.T.H.Y, anh N.H.Q đều thống nhất lời khai: Ngày 22/02/2013 OB và chị Y anh Qcó ký kết Hợp đồng tín dụng số 0017/2013/HĐTD-CN; ngày 25/2/2013 chị Yvà anh Qký khế ước nhận nợ số 0017.02/2013-OB/KU7 NN-CN nhận số tiền vay là 4.800.000.000đ. Thời hạn vay từ 25/2/2013 đến 22/02/2028. Lãi suất cho vay 17%/ năm cho thời kỳ đầu tiên là 06 tháng và từ tháng thứ 7 lãi suất áp dụng cho kỳ đổi lãi tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm tính lãi + biên độ tối thiểu 4,5% năm. Lãi suất quá hạn tính =150% lãi suất trong hạn. Phương thức vay: trả góp. Trả nợ gốc: trả gốc, phân kỳ: kỳ 1-60 mỗi tháng trả 17.000.000đ; kỳ 61-120 trả 25.000.000đ/ tháng vào ngày 26 hàng tháng, phân kỳ: kỳ 1 đến kỳ 60 trả 17.000.000đ/ tháng; kỳ 121-149 trả 35.000.000đ/ tháng; kỳ 150-179 trả 40 triệu đồng/ tháng; kỳ 180 trả 65 triệu đồng/ tháng. Trả định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Trả nợ lãi: trả định kỳ vào ngày 26 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

[1.2]. Để đảm bảo khoản tiền vay của OB, chị Yvà anh Qđã ký Hợp đồng thế chấp tài sản (HĐTCTS) là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà đất tại phường V.H, quận L.B, Hà Nội theo GCNQSD đất và QSH nhà ở số BĐ 304641 do Ủy ban nhân dân quận L.B ký ngày 20/12/2010 cấp cho chủ sử dụng đất và sở hữu nhà ở là chị N.T.H.Y; Và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là

nhà đất tọa lạc tại phường K.L, quận Đ.Đ, Hà Nội đã được cấp GCNQSD đất và QSH nhà ở số BA 767525 do Ủy ban nhân dân quận Đ.Đ ký ngày 29/4/2010 cấp cho chủ sử dụng đất và sở hữu nhà ở là anh N.H.Q. Hiện tại tài sản là nhà đất tọa lạc tại phường K.L đã được giải chấp.

[1.3]. Quá trình thực hiện HĐTD này, ngày 28/12/2018, OB lại bán toàn bộ nợ của chị Y, anh Qcho Công ty TNHH Q theo Hợp đồng mua bán nợ số 2812/2018/HĐMB (OB, Công ty TNHH Q).

Ngày 26/12/2015 chị Y, anh Qđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 20/11/2019 chị Y, anh Qcông nhận còn nợ OB theo HĐTD: nợ gốc là 2.532.000.000đ. Nên Tòa sơ thẩm buộc chị Yvà anh Qphải trả cho OB (nay là Công ty TNHH Q) số tiền nợ gốc này là đúng.

[1.4]. Còn tiền lãi:

OB sau này là Công ty TNHH Q thì tính số tiền lãi mà vợ chồng chị Ycòn nợ cụ thể: tổng lãi là 3.051.517.521đ; trong đó lãi trong hạn là 2.467.083.233đ + lãi quá hạn là 584.434.288đ + Lãi chậm trả là 2.140.982.906đ.

Chị Yvà anh Qkhông nhất trí cách tính lãi của OB sau này là Công ty TNHH Q.

Nên HĐXX sơ thẩm đã xem xét lại cách tính lãi như sau:

- Các bên đương sự đều xác định tính đến ngày 26/6/2013 chị Y, anh Qmới trả được 278.456.675đ tiền lãi và đến 26/12/2015 mới trả được 2.268.000.000đ tiền gốc. Như vậy, xác định đến ngày 26/6/2013 chị Y, anh Qvi phạm nghĩa vụ thanh toán trả lãi, và ngày 26/6/2013 OB tính chuyển nợ quá hạn đối với số tiền lãi; ngày 26/12/2015 là ngày chị Y, anh Qvi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc. Kể từ ngày 26/6/2013 là thời điểm chuyển nợ quá hạn của số tiền lãi đến ngày 26/12/2015 là 1.545.505.133đ. Áp dụng khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của các Tổ chức tín dụng. Thì số tiền lãi chậm trong hạn theo Hợp đồng tín dụng từ ngày 26/6/2013- 26/12/2015 là: 1.545.405.133đ x 10%= 154.540.513đ. Tổng số tiền lãi trong hạn sẽ là: (1.545.405.133đ + 154.540.513đ) = 1.699.945.646đ.

- Đối với lãi quá hạn: Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định ngày 26/12/2015 là thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất các bên thỏa thuận là 17%/ năm cho thời kỳ đầu tiên là 06 tháng và từ tháng thứ 7 lãi suất áp dụng cho kỳ đổi lãi tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm tính lãi + biên độ tối thiểu 4,5%/ năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Chị Y, anh Qđã thực hiện trả lãi ở kỳ thứ nhất, do vậy lãi suất quá hạn được tính bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả lãi sau cộng biên độ tối thiểu 4,5%/ năm. Theo Quyết định số 023/2016 ngày 22/01/2016 quy định lãi suất của OB do nguyên đơn cung cấp là 7,7%/ năm + 4,5%/ năm biên độ

tối thiểu = 12.2%/ năm. Đây chính là mức lãi suất áp dụng trong hạn của hợp đồng. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn là 18.3%/ năm. Cụ thể lãi suất quá hạn được tính như sau: tiền gốc là 2.532.000.000đ x 18.3%/ năm x số ngày vi phạm từ ngày 27/12/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/11/2019 là 03 năm 11 tháng tức là 1.410 ngày. Tiền lãi quá hạn được tính là: 2.532.000.000đ x 18.3%/ năm : 12 tháng : 30 ngày x 1.410 ngày = 1.814.811.000đ.

Như cách tính trên thì số tiền lãi vợ chồng chị Y, anh Qphải trả theo Hợp đồng tín dụng là (1.699.945.646đ+ 1.814.811.000đ) = 3.514.756.646đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu vợ chồng chị Ytrả tiền lãi trong hạn và quá hạn là: 3.051.517.521đ. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên HĐXX sơ thẩm đã chấp nhận và buộc vợ chồng chị Y, anh Qphải trả tổng tiền lãi là 3.051.517.521đ.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi phạt do chậm trả là 2.140.982.906 đồng. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã căn cứ theo nội dung thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng thì thấy các bên có thỏa thuận về lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả, phạt do vi phạm hợp đồng, lãi suất phạt chậm trả. Trên cơ sở thỏa thuận của các bên, HĐXX sơ thẩm đã căn cứ Luật tổ chức tín dụng và Quyết định số 1627/2010/QĐ-NHNN ngày 31/12/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng chỉ quy định hợp đồng tín dụng phải có nội dung về điều kiện vay, mục đích sử dụng tiền vay, hình thức vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ và những cam kết khác được các bên thỏa thuận mà không có quy định về lãi phạt chậm trả, phạt vi phạm hợp đồng. Tại văn bản số 1335/NHNN/CSTT ngày 22/02/2010, Ngân hàng Nhà nước có hướng dẫn về việc phạt chậm trả đối với trường hợp nợ quá hạn như sau: " Các tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2010/QĐ-NHNN ngày 31/10/2010; theo đó lãi suất áp dụng đối với khoản nợ quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong Hợp đồng tín dụng nhưng không được quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời điểm cho vay ". Bộ luật dân sự cũng không có điều luật nào cho phép tính lãi nhiều lần về một vi phạm trong hợp đồng dân sự. HĐXX sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Q về số tiền lãi phạt chậm trả. Xét thấy: quyết định này của HĐXX sơ thẩm là có căn cứ. Vì ngoài những quy định pháp luật trên, tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP Ngày 11/01/2019 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao v/v " Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm" - tại Điều 8 đã quy định " Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm " cũng không

quy định về khoản tiền lãi phạt chậm trả trong Hợp đồng tín dụng.

Từ những phân tích trên, cho thấy: Bản án sơ thẩm đã tuyên chị Y, anh Qphải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty TNHH Q tổng cộng cả gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là 5.583.517.521đ trong đó tiền gốc là 2.532.000.000đ + lãi suất trong hạn là 2.467.083.233đ + Lãi suất quá hạn là 584.434.288đ là đúng.

[2]. Về tài sản bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng là bất động sản tọa lạc tại phường V.H, quận L.B, TP. Hà Nội đã được UBND quận L.B cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 304641 ngày 20/12/2010 cho chị N.T.H.Y. Các bên đều thống nhất ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản có công chứng; và đã hoàn thiện thủ tục đăng ký bảo đảm tài sản thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận L.B. Như vậy về thủ tục thế chấp tài sản bảo đảm được các bên thực hiện theo đúng quy định pháp luật nên các bên có nghĩa vụ thực hiện. Trường hợp chị Y, anh Qkhông thực hiện được nghĩa vụ trả nợ tiền cho Công ty TNHH Q thì Công ty TNHH Q có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ.

[3]. Công ty TNHH Q kháng cáo về phần án phí DSST mà Công ty phải chịu: Xét thấy yêu cầu tiền phạt chậm trả của Công ty TNHH Q không được chấp nhận nên Công ty phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là đúng. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của Công ty.

[4]. Như phân tích trên cho thấy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bên đương sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 119/2019/DSST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân quận L.B, Hà Nội. Các đương sự kháng cáo phải chịu án phí DSPT theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2019/DSST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân quận L.B, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 52, 54 Luật Tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Q.

- Xác nhận: Tính đến ngày 26/11/2019 chị N.T.H.Y và anh N.H.Q còn nợ

Công ty TNHH Q tổng số tiền là: 5.583.517.521 đồng. Trong đó tiền gốc là: 2.532.000.000 đồng; Lãi suất trong hạn là : 2.467.083.233 đồng; Lãi suất quá hạn là: 584.434.288 đồng.

- Buộc chị Yvà anh Qphải thanh toán cho Công ty TNHH Q toàn bộ khoản nợ trên.

Không chấp nhận yêu cầu lãi suất phạt chậm trả là: 2.140.982.906 đồng của Công ty TNHH Q.

Trong trường hợp chị Yvà anh Qkhông trả được nợ cho Công ty TNHH Q thì Công ty TNHH Q có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: toàn bộ quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, diện tích 165,6m^2, tại địa chỉ Căn hộ 01 nhà B,TTQĐ Quân khu Thủ đô, phường V.H, quận L.B, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 304641, số vào sổ cấp GCN số 325/STTB do UBND Quận L.B cấp ngày 20/12/2010) mang tên N.T.H.Y và theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 0388, quyển số 01.2013 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/02/2013 tại phòng Công chứng số 7 Thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này.Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty TNHH Q theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Án phí DSST:

Chị Yvà anh Qphải chịu 113.583.517 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH Q phải chịu 74.819.658 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Công ty TNHH MTV Quản lý Tài sản của tổ chức tín dụng Việt Nam (VA) (Công ty TNHH Q) đã nộp 57.113.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2014/08050 ngày 03/2/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận L.B. Nay còn phải nộp tiếp 17.706.6583 đồng.

- Án phí DSPT:

Công ty TNHH Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm và được đối trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp (người nộp tiền Đ.T.L) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0015829 ngày 17/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận L.B, Hà Nội.

Anh N.H.Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm và được đối trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0015837 ngày 17/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận L.B, Hà Nội.

Chị N.T.H.Y phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm và được đối trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0015835 ngày 17/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận L.B, Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận L.B;
- Chi cục THADS quận L.B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Thiện